

# Thực trạng xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp Trung học cơ sở

Nguyễn Trọng Đức và nhóm nghiên cứu<sup>1</sup>

Email: ducnt@gesd.edu.vn

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

**Tóm tắt:** Xây dựng kế hoạch giáo dục (KHGD) giúp các nhà trường chủ động thực hiện chương trình giáo dục một cách linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường cũng như phát triển năng lực học sinh (HS). Tính đến năm 2022, Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 đã và đang triển khai ở lớp 1, 2, 3, 6, 7 và 10; các nhà trường đều triển khai xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường (KHGDNT). Để biết được thực trạng xây dựng và triển khai KHGDNT, nhóm nghiên cứu nhiệm vụ thường xuyên năm 2022 (mã số V2022-13TX) của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam đã tiến hành: Nghiên cứu thực trạng việc xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục của nhà trường ở cấp Tiểu học (lớp 1, 2, 3) và cấp Trung học cơ sở (THCS) (lớp 6, 7). Nội dung nghiên cứu thực trạng này tập trung vào 6 vấn đề: (1) Nhận thức của cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên (GV) về KHGDNT; (2) Thực trạng xây dựng KHGDNT; (3) Thực trạng triển khai KHGDNT; (4) Các điều kiện cần thiết để triển khai hiệu quả KHGDNT; (5) Đánh giá hiệu quả triển khai KHGDNT; (6) Đề xuất giải pháp xây dựng và triển khai có hiệu quả KHGDNT. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, đề xuất các giải pháp góp phần xây dựng và triển khai KHGDNT hiệu quả hơn. Trong khuôn khổ bài viết này, nhóm nghiên cứu giới thiệu sơ bộ kết quả thực trạng xây dựng và triển khai KHGDNT cấp Trung học cơ sở.

**Từ khóa:** Thực trạng, kế hoạch giáo dục của nhà trường, cấp Trung học cơ sở.

## 1. Đặt vấn đề

KHGD là việc làm thường xuyên, liên tục của các nhà trường. Hiện nay, ở nước ta đang bắt đầu triển khai dạy học theo hướng hình thành phát triển phẩm chất và năng lực của HS, thì việc xây dựng KHGDNT lại càng cần thiết. Chương trình Giáo dục phổ thông được xây dựng theo hướng mở, trong đó có "trao quyền chủ động và trách nhiệm cho địa phương, nhà trường trong việc lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với đối tượng giáo dục và điều kiện của địa phương, của nhà trường,..." [1]. Như vậy, các nhà trường được chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục của trường mình, phù hợp với điều kiện nhà trường và địa phương. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có những công văn hướng dẫn các trường phổ thông xây dựng KHGDNT theo Chương trình 2018, với mục tiêu: giúp các nhà trường triển khai Chương trình giáo dục một cách linh hoạt, phù hợp với nhà trường và điều kiện thực tiễn của địa phương; phát huy tính chủ động, sáng tạo của tổ chuyên môn và GV; khai thác, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; đảm bảo tính dân chủ, thống nhất giữa các tổ chuyên môn và các tổ chức đoàn thể,

1. Nhóm nghiên cứu gồm: Phạm Đức Quang, Đào Văn Toàn, Lê Anh Tuấn, Đỗ Thị Ngọc Hiến, Nguyễn Thị Kiều Oanh, Nguyễn Thanh Trinh, Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Thị Thu Thảo, Đặng Thị Phương, Bùi Diệu Quỳnh, Lê Trung Thành.

phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ HS và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc thực hiện KHGDNT [2], [3], [4].

Năm 2022, nhóm nghiên cứu của Trung tâm Phát triển bền vững Chất lượng Giáo dục phổ thông quốc gia - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu thường xuyên theo chức năng: Nghiên cứu thực trạng việc xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục của nhà trường ở cấp Tiểu học (lớp 1, 2, 3) và cấp THCS (lớp 6, 7). Dưới đây, chúng tôi giới thiệu sơ bộ kết quả nghiên cứu về thực trạng xây dựng và triển khai KHGDNT cấp THCS.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### **2.1. Kế hoạch giáo dục nhà trường**

Có nhiều cách hiểu khác nhau về kế hoạch giáo dục của nhà trường, trong bài viết này, nhóm nghiên cứu theo quan niệm ghi trong điều 3, Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ về Quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập, đó là: *“Kế hoạch giáo dục của nhà trường là kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non, Chương trình Giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành”*.

Việc xây dựng KHGDNT là quá trình cụ thể hóa, làm cho chương trình quốc gia phù hợp với thực tiễn của địa phương; lựa chọn, xây dựng nội dung, xác định cách thức thực hiện phản ánh đặc trưng, phù hợp với thực tiễn nhà trường nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển các phẩm chất, năng lực của người học, thực hiện có hiệu quả mục tiêu giáo dục.

Xây dựng KHGDNT là quá trình liên tục và hệ thống (bao gồm cả đánh giá, điều chỉnh) do tập thể cán bộ quản lý, GV nhà trường thực hiện với sự tham gia tư vấn, góp ý của các đối tượng liên quan (cha mẹ HS, HS, cộng đồng địa phương, chuyên gia giáo dục,...); trên cơ sở chương trình quốc gia; dưới sự hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục địa phương (Sở, Phòng GD&ĐT).

### **2.2. Kết quả khảo sát thực trạng xây dựng và triển khai KHGDNT cấp THCS**

Để tìm hiểu thực trạng xây dựng và triển khai KHGDNT, nhóm nghiên cứu đã xây dựng phiếu hỏi, phiếu phỏng vấn CBQL và GV cấp THCS. Việc thu thập dữ liệu được thực hiện theo 2 hình thức là online (đại diện cho các vùng miền trên cả nước ở cả thành thị, nông thôn, dân tộc và miền núi với 2468 GV và 247 CBQL) và phỏng vấn trực tiếp – thực hiện với CBQL và GV cấp THCS tại Hà Nội. Ngoài ra, nhóm nghiên cứu còn tìm hiểu KHGD của một số nhà trường.

#### **2.2.1. Nhận thức của CBQL, GV THCS về xây dựng và triển khai KHGDNT**

CBQL cấp THCS tham gia trả lời phiếu online cho biết, được nhận thức về KHGDNT qua cả hệ thống các văn bản của Bộ GD&ĐT (72%) và tham gia lớp tập huấn bồi dưỡng do Bộ/Sở/Phòng GD&ĐT tổ chức (94%). Bên cạnh đó, hơn 1/3 số CBQL được hỏi có tự tìm hiểu (38%) thêm thông qua các nguồn thông tin khác qua phương tiện thông tin đại chúng, mạng Internet, ...).

GV cho biết, được nhận thức về KHGDNT qua tham gia lớp tập huấn bồi dưỡng do Bộ/Sở/Phòng GD&ĐT tổ chức (96%), tỉ lệ này khá tương đồng với CBQL. Bên cạnh đó, GV được hỏi cho biết, qua hệ thống các văn bản của Bộ GD&ĐT (hơn 60%) và có tự tìm hiểu (35%) thêm thông qua các nguồn thông tin khác qua phương tiện thông tin đại chúng, mạng Internet, ...)

Hầu hết CBQL cho rằng, mục đích của việc xây dựng KHGDNT là để thực hiện yêu cầu của chương trình GDPT 2018 (96%) và 77% để phù hợp với tầm nhìn/sứ mệnh, điều kiện, nhu cầu, khả năng của nhà trường. Ngoài ra, một số CBQL còn cho rằng, việc xây dựng KHGDNT là để thực hiện chỉ đạo của các cấp lãnh đạo (57%) và để phục vụ cho các kì thi, đạt được các chỉ số thành tích nhà trường mong muốn (30%).

Tương tự, hầu hết GV cho rằng, mục đích của việc xây dựng KHGDNT là để thực hiện yêu cầu của CTGDPT 2018 (92%) và để phù hợp với tầm nhìn/sứ mệnh, điều kiện, nhu cầu, khả năng của nhà trường (59%). Ngoài ra, một số GV còn cho rằng, việc xây dựng KHGDNT là để thực hiện chỉ đạo của các cấp lãnh đạo (41%) và để phục vụ cho các kì thi, đạt được các chỉ số thành tích nhà trường mong muốn (28%). Tỉ lệ này gần tương đồng với kết quả trả lời của CBQL.

Tương tự với CBQL, đa số GV đều cho rằng, những yếu tố ảnh hưởng nhiều đến xây dựng và triển khai KHGDNT là điều kiện về cơ sở vật chất, là chiến lược phát triển của nhà trường, là điều kiện về GV.

Qua phỏng vấn CBQL và GV về mục đích của việc xây dựng KHGDNT thể hiện như sau: Đảm bảo việc thực hiện theo CTGDPT 2018 và phù hợp với điều kiện của địa phương và nhà trường. Tạo sự thống nhất và phát huy tính chủ động sáng tạo của tổ chuyên môn, của GV, khai thác hiệu quả thiết bị dạy học theo yêu cầu phát triển năng lực HS. Nâng cao hiệu quả quản trị, hoạt động dạy học của nhà trường, đảm bảo tính dân chủ. Huy động sự tham gia của tổ chuyên môn, tổ chức đoàn thể, cha mẹ học sinh, địa phương trong quá trình triển khai.

### 2.2.2. Thực trạng xây dựng KHGDNT cấp THCS

*- Đánh giá, nhận định của CBQL về thực trạng xây dựng KHGDNT (qua phiếu hỏi)*

Hầu hết CBQL, những người tham gia chủ yếu xây dựng, góp ý và hoàn thiện KHGDNT là Ban giám hiệu (96%), Tổ trưởng chuyên môn (97%) và giáo viên (87%). Một số ít cho rằng, có sự tham gia của khối trưởng (40%), của cha mẹ HS (23%) hay của chuyên gia giáo dục (chưa đến 1%).

Nội dung KHGDNT chủ yếu gồm các môn học bắt buộc (98%), các môn học tự chọn (76%) và các hoạt động giáo dục khác (75%). Có khoảng 46% cho rằng, nội dung KHGDNT còn có các hoạt động củng cố và bồi dưỡng.

Hầu hết CBQL cho rằng, các môn: Ngữ văn (89%), Toán (92%) và Tiếng Anh (73%) được nhà trường chú trọng dạy tăng cường. Những môn còn lại như: Giáo dục công dân, Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Nghệ thuật, Tin học, Công nghệ chỉ có rất ít CBQL (39%) cho biết được nhà trường dạy tăng cường. Các môn học/hoạt động như STEM (40%) và các môn học/ hoạt động giáo dục khác (75%) được nhà trường tổ chức dạy học tự chọn. Dạy tự chọn ngoại ngữ 2 hay tiếng dân tộc thiểu số rất ít. So với tỉ lệ

13,4% CBQL tham gia trả lời thuộc vùng Dân tộc và miền núi thì tỉ lệ (khoảng 3,6%). 54% CBQL cho rằng, việc xây dựng KHGDNT theo công văn 5512 /BGDĐT-GDTrH về Hướng dẫn xây dựng KHGDNT cấp THCS là thuận lợi; 35,7% cho rằng, còn có một vài khó khăn. Rất ít cho rằng, có nhiều khó khăn (7%) hay rất thuận lợi (3,3%).

Từ ý kiến của các CBQL tham gia trả lời trực tuyến về những khó khăn gặp phải khi xây dựng KHGDNT có thể tổng hợp thành một số nhóm khó khăn chủ yếu, cụ thể sau:

<p><b>Công tác chỉ đạo theo công văn hướng dẫn</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng biểu mẫu của KHGDNT còn quá nhiều. Trong các biểu mẫu có quá nhiều yêu cầu, đề mục. Kế hoạch dạy học dài, nhiều bước.</li> <li>- Có thể ghép các biểu mẫu vào để KHGDNT gọn hơn và khoa học hơn.</li> <li>- Việc yêu cầu làm nhiều phụ lục và các yêu cầu trong các phụ lục còn chồng chéo nhau, lặp đi lặp lại.</li> <li>- Các phụ lục quá chi tiết, rườm rà, dài dòng gây khó khăn và mất nhiều thời gian cho tổ chuyên môn và GV khi xây dựng kế hoạch, đặc biệt đối với các bộ môn ít GV.</li> <li>- Việc xây dựng và tổ chức các hoạt động giáo dục theo phụ lục CV 5512 còn khiến nhà trường và GV gặp nhiều khó khăn.</li> </ul>
<p><b>Đội ngũ GV, CNV</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đội ngũ thừa, thiếu và không cân đối để đảm bảo cho việc thực hiện chương trình giáo dục. Đội ngũ nhân viên chưa đủ theo đúng quy định.</li> <li>- Việc thiếu GV ở các trường liên quan đến GV các môn như: môn Khoa học tự nhiên (KHTN), Lịch sử và Địa lí, Công nghệ, Giáo dục công dân, các môn lĩnh vực năng khiếu, nội dung giáo dục địa phương.</li> <li>- Nội dung các phân môn trong môn học đan xem trong khi nhà trường không có GV được đào tạo chuyên môn của nhưng nội dung tích hợp (như môn KHTN, Lịch sử và Địa lí).</li> <li>- Việc phân công và bố trí GV dạy các phân môn KHTN, Lịch sử và Địa lí còn gặp nhiều khó khăn.</li> <li>- Nhiều GV chưa thích nghi với việc tự chủ chi về chương trình giáo dục. GV chưa mạnh dạn góp ý xây dựng kế hoạch; việc xây dựng KHGDNT chưa thể hiện rõ ý tưởng sáng tạo, còn máy móc, rập khuôn.</li> </ul>
<p><b>CT, SGK và nội dung dạy học</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung sách mới.</li> <li>- Chuẩn bị KHDH GV mất nhiều thời gian.</li> <li>- Việc xếp thời khoá biểu mất rất nhiều thời gian.</li> <li>- Giáo dục địa phương nên lồng ghép vào các môn học như trước, không nên tách riêng.</li> <li>- Có trường vừa dạy mô hình trường học mới, vừa dạy CTGDPT 2018.</li> </ul>

<p><b>Điều kiện, CSVC, TBDH nhà trường</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều kiện kinh phí, cơ sở vật chất thiếu, chưa đáp ứng, chưa đảm bảo theo quy định, thiếu các phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại.</li> <li>- Thiếu các phòng học bộ môn, các phòng chức năng đáp ứng yêu cầu của CTGDPT năm 2018.</li> </ul>
<p><b>Nguồn lực và bối cảnh của địa phương</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh tế địa phương có phát triển nhưng chưa cao, thu nhập người dân trong vùng còn thấp.</li> <li>- Khó khăn về huy động các nguồn lực để hỗ trợ cho các hoạt động giáo dục.</li> <li>- Điều kiện của cha mẹ HS và sự kết nối giữa nhà trường với cha mẹ HS chưa thật sự thuận lợi.</li> </ul>

*- Đánh giá, nhận định của GV về thực trạng xây dựng KHGDNT (qua phiếu hỏi)*

GV cho rằng, những người tham gia xây dựng, góp ý và hoàn thiện KHGDNT là ban giám hiệu (72%), tổ trưởng chuyên môn (90%) và GV (90%). Một số ít cho rằng, có sự tham gia của khối trưởng (34%), của cha mẹ HS (4%) hay của chuyên gia giáo dục (6%). 56,8% GV cho rằng, việc xây dựng KHGDNT theo công văn 5512 /BGDĐT-GDTrH là thuận lợi; khoảng 34,6% cho rằng còn có một vài khó khăn, rất ít (4,3%) cho rằng có nhiều khó khăn hay rất thuận lợi. Kết quả trả lời của CBQL cũng tương đối giống về tỉ lệ này.

Từ ý kiến của các GV tham gia trả lời trực tuyến về những khó khăn gặp phải khi xây dựng KHGD nhà trường có thể tổng hợp thành một số nhóm khó khăn chủ yếu như sau:

<p><b>Công tác chỉ đạo theo công văn hướng dẫn</b></p>	<p><i>Đối với KHGD chung:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc chọn quá nhiều bộ sách gây khó khăn cho việc xây dựng KHGD.</li> <li>- Mẫu kế hoạch bài dạy theo công văn 5512 quá rườm rà, dài dòng.</li> <li>- Gặp khó khăn trong giai đoạn chuyển tiếp giữa Chương trình 2018 và Chương trình 2006.</li> </ul> <p><i>Đối với kế hoạch bài dạy:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc xây dựng kế hoạch bài dạy cho một tiết dạy quá nhiều tiêu đề, dài dòng, nặng về hình thức, ví dụ như các hoạt động phải có thêm các nội dung về mục tiêu, phương pháp, kĩ năng... lặp đi lặp lại, mất nhiều thời gian, tốn rất nhiều giấy mực.</li> <li>- Có những trường, một GV phải xây dựng kế hoạch của nhiều khối lớp, rất vất vả và mất nhiều thời gian.</li> </ul>
--	--

<b>Đội ngũ GV, CNV</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà trường thiếu GV ở một số môn học gây khó khăn trong việc xây dựng KHGDNT.</li> <li>- Không có GV được đào tạo đủ các chuyên môn như môn KHTN, môn Lịch sử và Địa lí để dạy cả môn học nên việc dạy các môn ở lớp 6, lớp 7 còn gặp khó khăn.</li> <li>- SGK mới, phải tự tìm tài liệu mới, nên khi xây dựng và thực hiện KHDH, GV cũng gặp nhiều có khó khăn.</li> </ul>
<b>CT, SGK và nội dung dạy học</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung bài dạy khá dài, có nhiều hoạt động, vất vả cho GV phải dạy nhiều khối lớp.</li> <li>- Môn tích hợp chưa thống nhất được là dạy song song hay dạy theo thứ tự các chủ đề trong SGK, nếu dạy theo thứ tự các chủ đề trong SGK thì thiếu GV đứng lớp môn đó.</li> </ul>
<b>Đối tượng HS</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng HS trong lớp đông (nhiều trường có sĩ số trên 40 HS/lớp).</li> <li>- Đối tượng HS không đồng đều, năng lực, trình độ tiếp thu của HS khác nhau, nhất là HS vùng nông thôn, HS dân tộc, miền núi nên gặp nhiều khó khăn trong quá trình dạy học.</li> </ul>
<b>Điều kiện, CSVC, TBDH nhà trường</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở vật chất còn thiếu, chưa đầy đủ, thiếu trang thiết bị, phương tiện dạy học, đồ dùng học tập, chất lượng không đồng bộ với yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực của HS.</li> <li>- Phòng bộ môn chưa có đầy đủ. Môi trường trải nghiệm của HS còn hạn chế.</li> <li>- Chưa có đủ tài liệu tham khảo cho GV, HS.</li> <li>- SGK cung cấp muộn trong khi trường xây dựng kế hoạch sớm, khi chưa có SGK, GV phải tìm hiểu sách điện tử để xây dựng kế hoạch từ đầu tháng 8.</li> </ul>
<b>Nguồn lực và bối cảnh địa phương</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc thiết kế, xây dựng KHGD cho một số tiết hoạt động trải nghiệm, tham quan ... còn khó khăn về nguồn kinh phí, địa phương và nhà trường không có đủ nơi tham quan.</li> <li>- Khó khăn đối với việc thống nhất KHGD trong toàn huyện vì không sử dụng cùng 1 bộ SGK.</li> </ul>

- Ý kiến của CBQL và GV về thực trạng xây dựng KHGDNT (qua phỏng vấn)

+ *Thuận lợi*: Có hệ thống văn bản hướng dẫn, định hướng từ các cấp (Bộ, Sở, Phòng...); Có sự thống nhất chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo; Sự chủ động của nhà trường dựa trên tình hình thực tế để thống nhất; GV được tập huấn các cấp (Sở, Phòng); Có sự thống nhất giữa các bộ môn và ban giám hiệu để theo dõi và quản lí...

+ *Khó khăn*: Khung kế hoạch công kênh, phức tạp, dài, lặp đi lặp lại, gây khó khăn cho việc xây dựng của GV; Chậm nhận được công văn xây dựng KHGDNT; Kế hoạch bài dạy dài, tài liệu chưa có nhiều, GV mất nhiều thời gian và phải tự tìm tòi, mua sắm tốn kém kinh phí; Thiếu GV được đào tạo các môn học mới, các nội dung dạy học tích hợp khi tham gia xây dựng KHGD. Ví dụ như môn KHTN, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, nội dung giáo dục địa phương; Thiếu tài liệu dạy học nội dung giáo dục địa phương...

### 2.2.3. Thực trạng triển khai KHGDNT

#### - Về triển khai KHGDNT tổng thể

Đối tượng được nhà trường phổ biến KHGDNT tổng thể chủ yếu là tổ trưởng chuyên môn (chiếm 90%) và tiếp đến là GV (71%), một tỉ lệ nhỏ (6%) là cha mẹ HS. Những hình thức phổ biến và thông qua KHGDNT tổng thể chủ yếu bao gồm tổ chức họp, thảo luận (87%), trao đổi ý kiến về định hướng triển khai (73 %) và công bố văn bản tới các cá nhân, tổ chức liên quan (gần 70 %).

Kết quả khảo sát về đánh giá của GV đối với việc triển khai kế hoạch bài dạy theo công văn 5512/BGDĐT-GDTrH hiện trong năm học 2021-2022 cho thấy, hơn ½ số người được hỏi đánh giá là “thuận lợi” (58%), trong khi đó hơn 1/3 số GV cho rằng, có một vài khó khăn (36%), tuy nhiên chỉ một số lượng rất nhỏ GV cho rằng, “rất thuận lợi” (3,5%) và có nhiều khó khăn (3%).

Cụ thể, những khó khăn GV cho biết như sau:

**(1) Thiếu cơ sở vật chất để triển khai nội dung bài học:** Một số GV cho biết: “Cơ sở vật chất của nhà trường còn thiếu, GV bộ môn cũng thiếu, các phòng chức năng không đủ” hay một số ý kiến cho biết “Điều kiện thiết bị học tập còn rất hạn chế”. Đặc biệt, đối với giảng dạy môn Âm nhạc và phân môn Vật lí, GV đề cập nhiều đến việc “Chưa có phòng bộ môn, HS chưa có đủ nhạc cụ”, “dụng cụ” gây khó khăn trong triển khai một số nội dung dạy nhạc cụ và thí nghiệm.

**(2) Thiếu tài liệu tham khảo cho cả HS và GV:** Nhiều GV cho biết, do SGK lớp 6, 7 mới triển khai nên sách tham khảo, tài liệu bổ sung đi kèm nội dung theo chương trình còn ít.

**(3) Thiếu đội ngũ GV ở một số môn tích hợp:** môn Âm nhạc.

**(4) Giáo án quá dài:** GV cho rằng: “Tốn rất nhiều thời gian đầu tư cho kế hoạch bài dạy, soạn bài dạy theo CV 5512 rất dài”, “Khó khăn khi soạn các bài dạy theo chủ đề. Theo sách giáo khoa mới thì các chủ đề chia ra thành nhiều tiết dạy. Mỗi tiết lại phân ra nhiều hoạt động nhỏ, vẫn phải đảm bảo 4 bước... Để soạn xong một chủ đề mất rất nhiều thời gian, trong một tuần không thể chuẩn bị xong...”. Kết quả phỏng vấn CBQL cũng cho ý kiến tương tự khi triển khai CV 5512 về khó khăn trong soạn giáo án khiến GV mất nhiều thời gian. Tuy nhiên, CBQL cũng cho rằng, tinh thần công văn 5512 đã tạo sự tương tác giữa GV và HS nhiều hơn trong quá trình học tập.

**(5) COVID phức tạp trong năm học 2021-2022:** Việc HS phải học online trong một thời gian dài cũng được GV cho rằng đây là yếu tố khách quan ảnh hưởng đến việc GV tìm các phương thức để soạn giảng KHBH, tìm kiếm và sử dụng thiết bị dạy học phù hợp, hiệu quả trong thời gian giãn cách xã hội, mức độ tiếp thu của HS lại khác nhau. Do vậy, việc truyền thụ nội dung bài học qua hình thức online còn chưa đồng đều.

- Nhận định của GV về yếu tố ảnh hưởng đến việc triển khai KHGD các môn học và HĐGD

Nhiều GV cho rằng, chưa được đào tạo dạy môn tích hợp nhưng vẫn triển khai các bài học tích hợp gây nhiều khó khăn. Cụ thể, GV nêu ý kiến “Với môn Khoa học tự nhiên, tích hợp 3 lĩnh vực Vật lý, Hóa học và Sinh học, đội ngũ GV hiện nay chưa được



đào tạo dẫn đến việc thực hiện giảng dạy môn này gặp nhiều khó khăn".

Về điều kiện/yếu tố ảnh hưởng đến triển khai KHGDNT trong năm học vừa qua (2021 - 2022), khoảng 85% CBQL và GV cho rằng, cơ sở vật chất của nhà trường ảnh hưởng nhiều nhất, tiếp đến là trình độ GV, đặc điểm HS và cuối cùng là đội ngũ quản lí của nhà trường (16%).

#### 2.2.4. Các điều kiện cần thiết để xây dựng và triển khai hiệu quả KHGDNT

##### **- Điều kiện thực tế về cơ sở vật chất của nhà trường khi tổ chức triển khai KHGDNT**

Kết quả khảo sát GV cho thấy, đa số các trường THCS tại các địa phương tham gia khảo sát: có phòng học bộ môn (74 %); đủ phòng cho dạy học 01 buổi/ngày (68%) và có sân chơi, bãi tập (60%). Tuy nhiên, cơ sở vật chất cho triển khai bán trú vẫn thiếu, khoảng 6% GV cho rằng: "Có cơ sở bán trú". Phòng dạy các môn tự chọn, khoảng 24% GV cho rằng đủ phòng dành cho các môn học này. Bên cạnh đó, vấn đề thiết bị ngoài trời phục vụ dạy và học cũng chưa được trang bị đầy đủ tại nhà trường, chỉ gần 21 % GV cho rằng, có thiết bị này.

Kết quả khảo sát CBQL: Phòng học bộ môn, 83% cho rằng, đáp ứng được việc triển khai KHGDNT. Tuy nhiên, cũng như ý kiến của GV, CBQL cho biết, cơ sở bán trú vẫn rất thiếu, chỉ 8,9% CBQL cho rằng, điều kiện hiện tại của nhà trường mình có thể đáp ứng được.

Với điều kiện CSVC như trên, 58,6% GV nhận định, trường của họ đáp ứng khá tốt việc xây dựng và triển khai KHGDNT, trong khi đó chỉ hơn 21 % cho rằng, CSVC của nhà trường đáp ứng một phần và 18,7% là đáp ứng tốt, chỉ 1,1% nhận định là trường mình chưa đủ CSVC để đáp ứng.

##### **- Đội ngũ GV để xây dựng và triển khai KHGDNT**

65% GV cho rằng, đội ngũ GV của trường mình có đủ để xây dựng và triển khai KHGDNT, số còn lại cho rằng, đội ngũ GV hiện nay trong trường đang còn thiếu để dạy các môn/hoạt động giáo dục.

Cụ thể, đa số môn học còn thiếu GV là môn Nghệ thuật (Mĩ thuật và Âm nhạc), tiếp đến là Khoa học tự nhiên, Hoạt động trải nghiệm, Giáo dục công dân...

Qua phỏng vấn, CBQL nhà trường cho rằng, khi triển khai KHGDNT, nhiều GV còn làm việc chiếu lệ, chưa đầu tư sâu, một bộ phận GV chưa chủ động trong việc đề xuất những nội dung cần điều chỉnh hoặc bổ sung, tích hợp... hình thức tổ chức, xây dựng phân phối chương trình phù hợp với tình hình thực tế. Ngoài ra, CBQL cũng cho biết, việc GV chưa được đào tạo về dạy học tích hợp đã phải phân công dạy học tích hợp khiến việc dạy học chưa đạt hiệu quả như mong muốn, GV gặp nhiều khó khăn.

##### **- Sự phối hợp, hỗ trợ từ các bên liên quan dành cho nhà trường trong triển khai thực hiện KHGDNT:**

Các cấp quản lí (91%), tiếp đến là sự phối hợp từ các tổ chức đoàn thể (62%), trong khi đó, cha mẹ HS cũng có sự phối hợp với nhà trường trong triển khai thực hiện KHGDNT (57%).

#### 2.2.5. Đánh giá về hiệu quả triển khai KHGDNT

GV đánh giá về hiệu quả triển khai kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động



giáo dục; 71,3% cho rằng, “tương đối hiệu quả”, 26,4% cho rằng “hiệu quả” và chỉ 2,4% nhận định là “có triển khai nhưng chưa hiệu quả”.

Còn CBQL, 68% cho rằng, KHGDNT năm học vừa qua (2021-2022) đã triển khai “tương đối hiệu quả”, 31,2% cho rằng “hiệu quả” và chỉ 2 % cho rằng, “có triển khai nhưng chưa hiệu quả”.

Qua phỏng vấn, CBQL cũng cho rằng trong năm học vừa qua, việc triển khai KHGDNT có hiệu quả và đạt được mục tiêu đề ra dù thời lượng học online nhiều.

Nhìn chung, 96 % GV cho rằng triển khai KHGDNT đã tạo ra sự thay đổi về chất lượng giáo dục của nhà trường. Bên cạnh đó, 14 % GV cho rằng, gây áp lực đối với nhà trường.

#### 2.2.6. Đề xuất giải pháp để xây dựng và triển khai có hiệu quả KHGDNT

Kết quả khảo sát cho thấy, hơn 79% GV và 85% CBQL cho rằng, cần có văn bản hướng dẫn cụ thể về xây dựng KHGDNT, phù hợp với đặc điểm từng loại hình trường. Bên cạnh đó, cần có những văn bản quy định, tạo hành lang pháp lý để tạo điều kiện cho nhà trường xây dựng và triển khai KHGDNT một cách thuận lợi (71% - GV; 80%-CBQL). Ngoài ra, cần có hướng dẫn thực hiện phân cấp quản lí, giám sát chỉ đạo thường xuyên.

Đối với những sáng kiến/giải pháp về nâng cao năng lực của GV để xây dựng và triển khai có hiệu quả KHGDNT, chủ yếu là tập huấn, bồi dưỡng về xây dựng và triển khai KHGDNT; biên soạn và cung cấp tài liệu hướng dẫn tham khảo là việc cần thực hiện trước tiên, tiếp theo là việc tổ chức giao lưu, học hỏi kinh nghiệm giữa các trường.

Giải pháp phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan (cha mẹ HS, cộng đồng) trong quá trình xây dựng và triển khai KHGDNT cũng được nhiều GV lựa chọn.

### 3. Kết luận

Xây dựng KHGDNT là việc làm hết sức quan trọng, giúp các nhà trường chủ động thực hiện kế hoạch dạy học phù hợp với đặc điểm của nhà trường. Thông qua kết quả khảo sát về thực trạng xây dựng và triển khai KHGDNT cho thấy:

- Đa số cán bộ quản lí và GV cấp THCS được tiếp cận với KHGDNT thông qua các nguồn thông tin chính thống như các văn bản chỉ đạo của các cơ quan quản lí GD, các khóa tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về xây dựng KHGDNT. Về mục đích của xây dựng KHGDNT, hầu hết GV và CBQL THCS đều cho rằng, việc xây dựng KHGDNT là để thực hiện yêu cầu của Chương trình GDPT 2018 và để phù hợp với tầm nhìn/sứ mệnh, điều kiện, nhu cầu, khả năng của nhà trường. Ngoài ra, một số GV còn cho rằng, việc xây dựng KHGDNT là để thực hiện chỉ đạo của các cấp lãnh đạo và để phục vụ cho các kỳ thi, đạt được các chỉ số thành tích nhà trường mong muốn.

- Hầu hết CBQL và GV THCS nhận định đối tượng tham gia chủ yếu vào xây dựng, góp ý và hoàn thiện KHGDNT là ban giám hiệu, tổ trưởng chuyên môn và giáo viên. Một số ít cho rằng, có sự tham gia của khối trưởng, của cha mẹ HS hay của chuyên gia giáo dục. Một số GV chưa có đầy đủ trình độ chuyên môn liên quan nên xây dựng KHGD chưa đáp ứng yêu cầu, chưa phù hợp với điều kiện địa phương, nhà trường

và đối tượng HS. Có thể thấy hai vấn đề là sự tham gia của các bên liên quan tại địa phương: các cấp chính quyền, chuyên gia giáo dục và phụ huynh đối với công tác xây dựng KHGDNT chưa được quan tâm đúng mức. Đội ngũ GV THCS chưa được chuẩn bị tốt về kiến thức chuyên môn cho hoạt động xây dựng KHGDNT trong giai đoạn vừa qua.

- Triển khai KHGDNT cấp THCS trong năm học vừa qua đã tạo tác động tích cực đến chất lượng các hoạt động giáo dục của nhà trường, cụ thể, theo tinh thần CV 5512, sự tương tác giữa GV và HS đã được tích cực hơn. Các nhà trường đã được chủ động hơn trong việc triển khai KHGDNT gắn liền với đặc điểm của nhà trường.

---

### Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018, *Chương trình Giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể*.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020; Công văn 5512/BGDĐT-TrH về việc *Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường*.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021; Công văn 2345/BGDĐT-TH về việc *Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp Tiểu học*.
- [4] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019; Công văn 3535/BGDĐT-GDTH về việc: *Hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm cấp Tiểu học trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 từ năm học 2020-2021*.
- [5] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Công văn số 4040/BGDĐT-GDTrH *Hướng dẫn thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông cấp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông năm học 2021-2022 ứng phó với dịch COVID-19*.
- [6] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Công văn số 3699 *Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2021-2022 (27/8/2021)*.
- [7] Trường Trung học cơ sở Ngô May, *Kế hoạch Giáo dục năm học 2021-2022*.
- [8] Trường Trung học cơ sở Điện Biên, *Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2021-2022*.
- [9] Trường Trung học cơ sở Nhon Phú, *Kế hoạch về thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học 2021-2022*.
- [10] Trường Trung học cơ sở Phước Thắng, *Kế hoạch giáo dục nhà trường năm 2021-2022*.

## DEVELOPING AND IMPLEMENTING LOWER SECONDARY SCHOOL EDUCATION PLANS IN VIETNAM

**ABSTRACT:** *Developing education plans helps schools implement the curriculum initiatively and flexibly in accordance to each school situation and develop students' competences. Up to 2022, the new curriculum 2018 has been implemented in Grades 1, 2, 3, 6, 7 and 10; schools throughout the country have carried out their own education plans. In order to study the situation of developing and implementing school education plans, the team of NIES have conducted the annual research task (code V2022-13TX) on The actual situation of developing and implementing school education plans in primary schools (Grades 1, 2 and 3) and lower secondary schools (Grades 6 and 7). The research focuses on six issues: (1) The awareness of administrators and teachers about school education plans; (2) The actual situation of developing school education plans; (3) The actual situation of implementing school education plans; (4) Necessary conditions for effective implementation of school education plans; (5) Evaluating the effectiveness of the implementation of school education plans; (6) Proposing solutions for effective development and implementation of school education plans. Within this article, the research team tries to briefly introduce the actual results of the development and implementation of school education plans in lower secondary schools.*

**KEYWORDS:** *Current situation, school education plan, lower secondary school.*